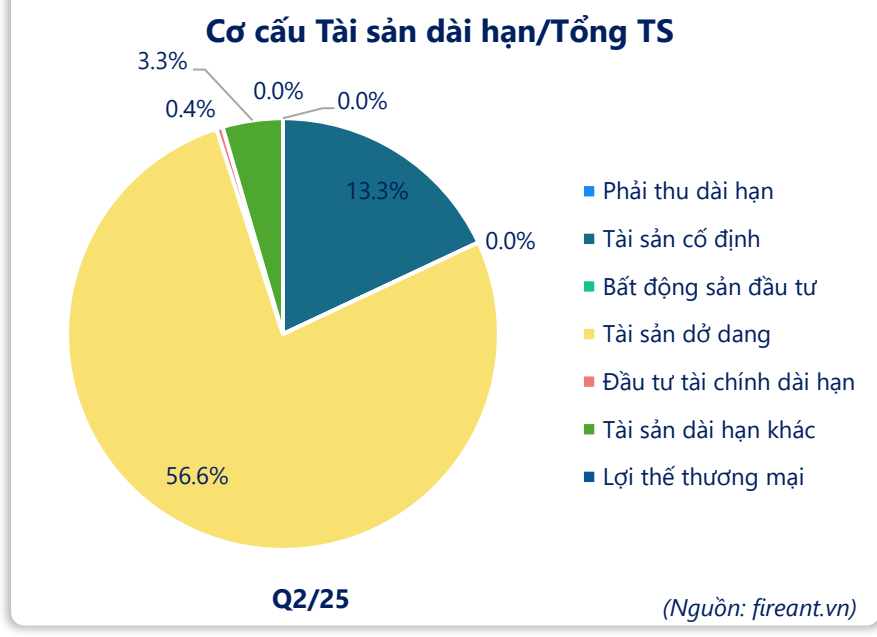
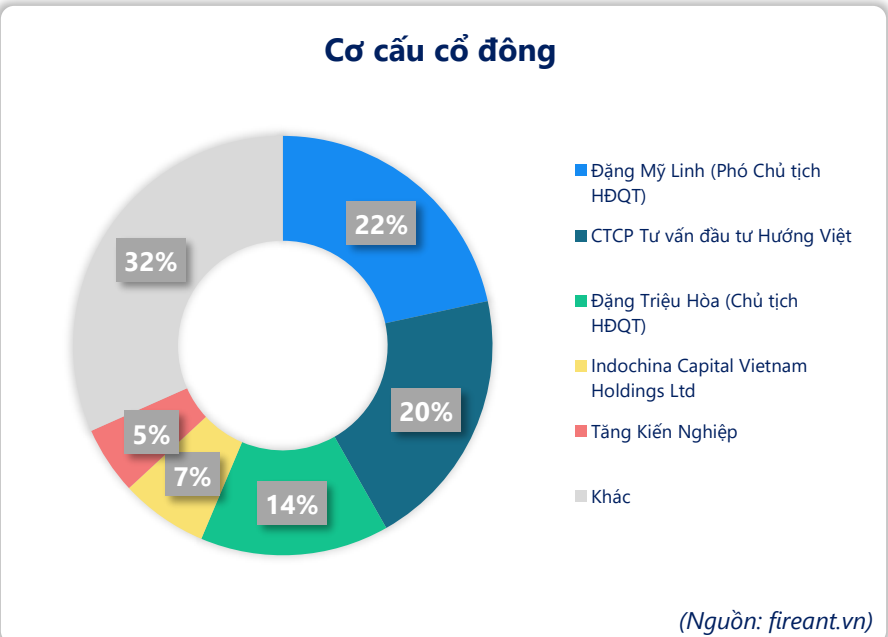
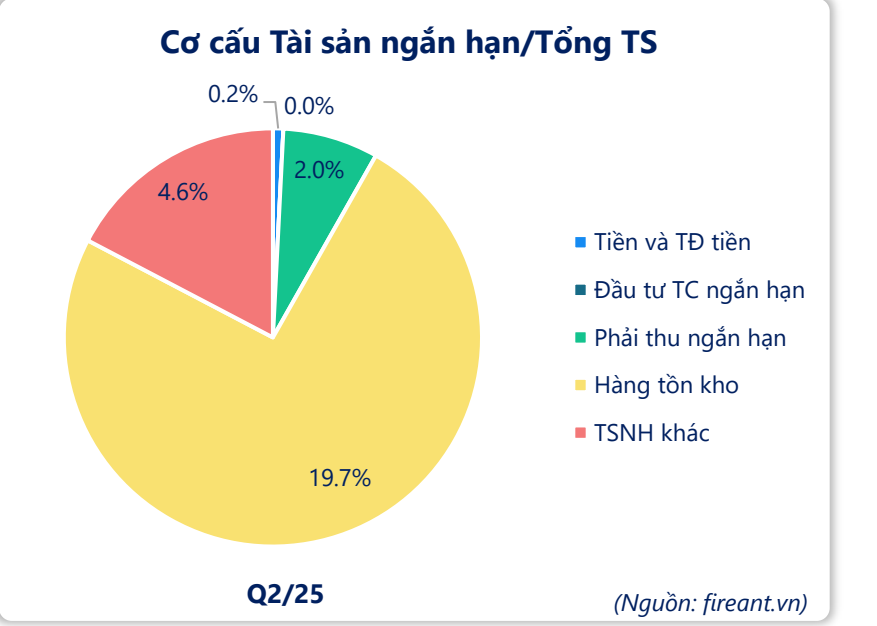
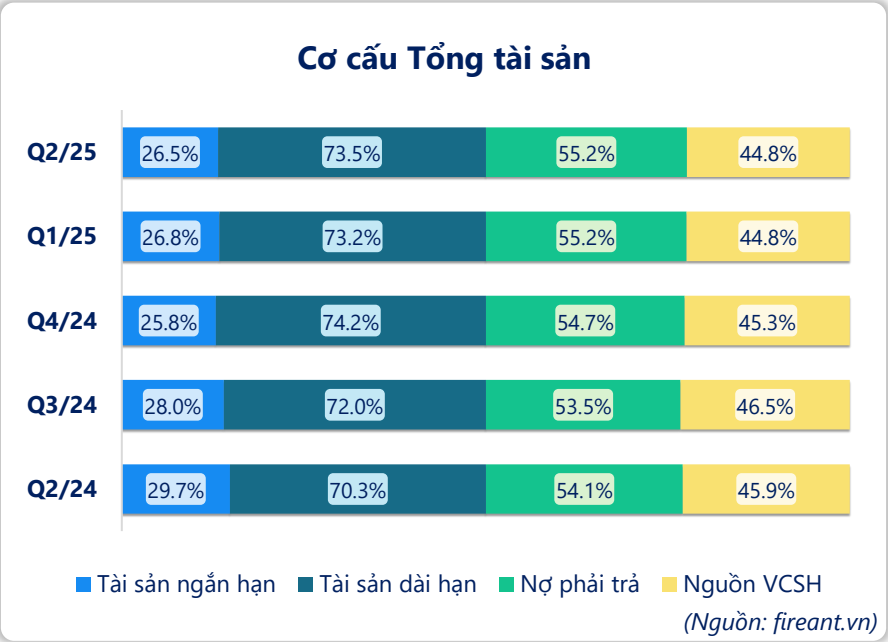
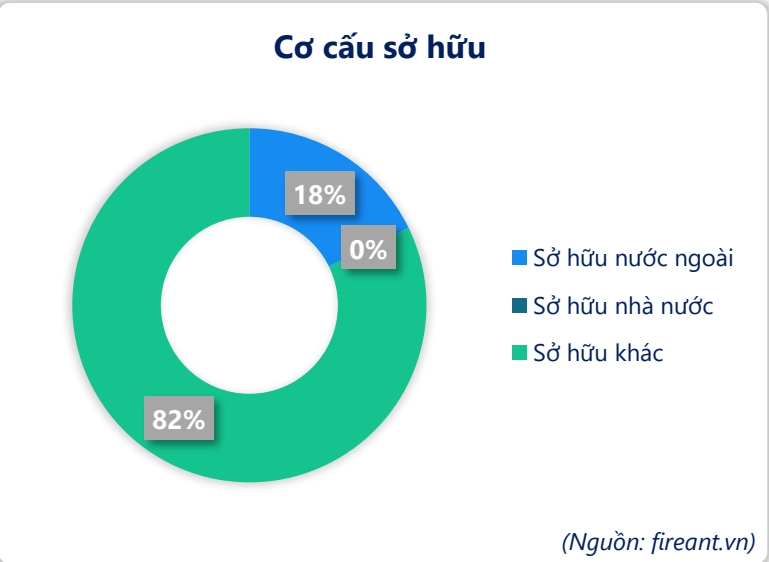
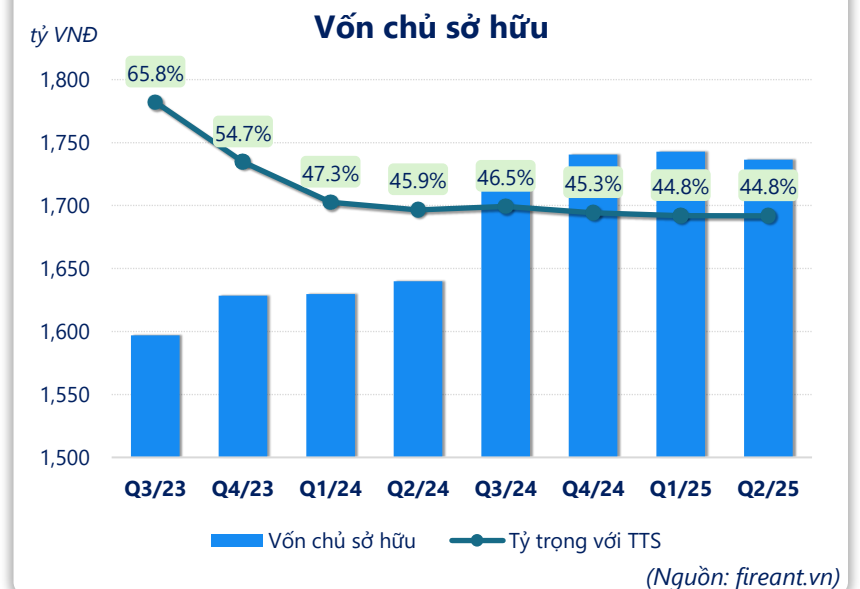
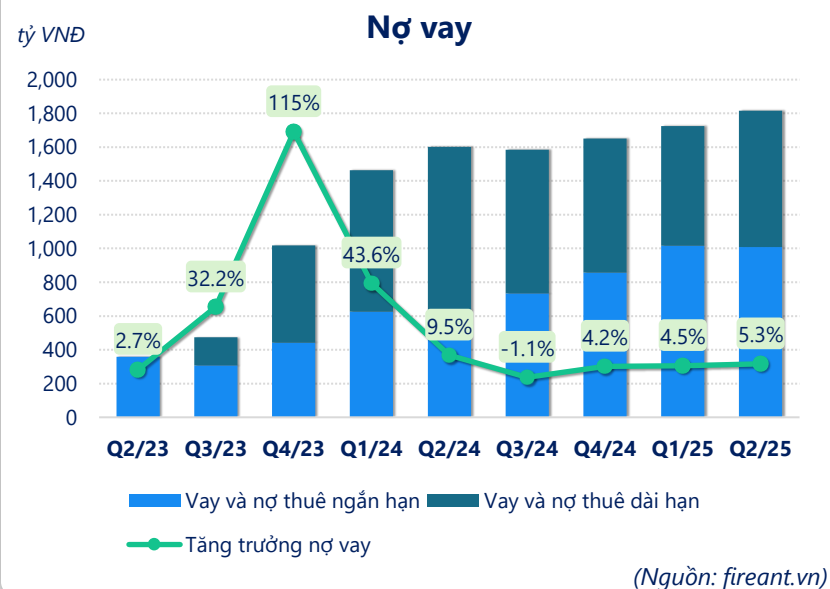
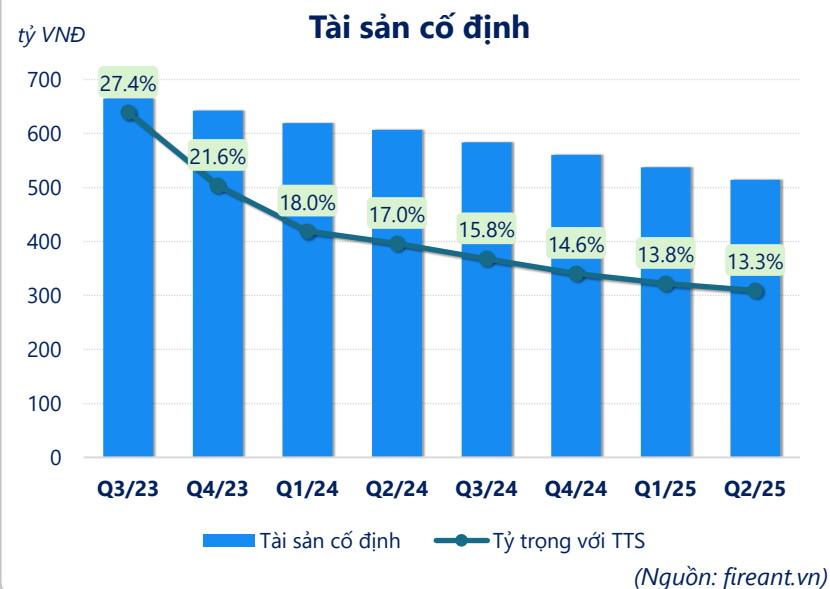
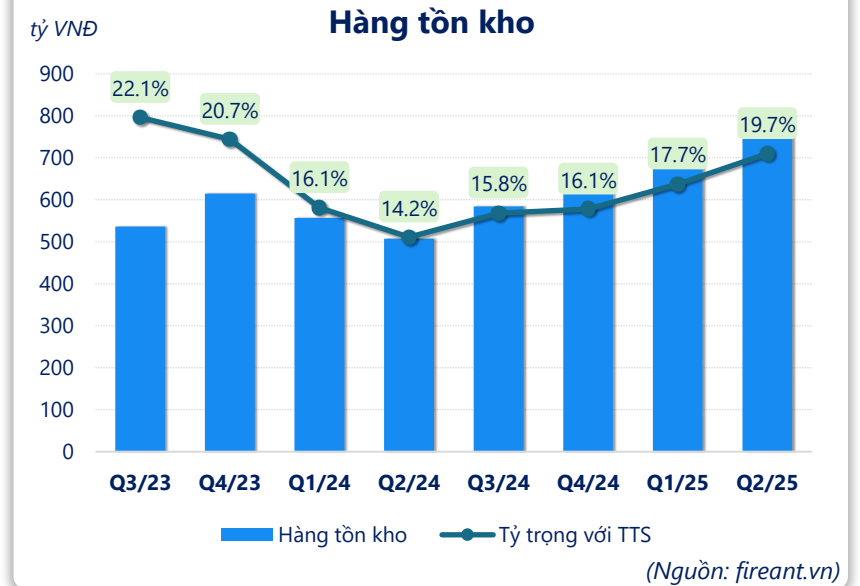
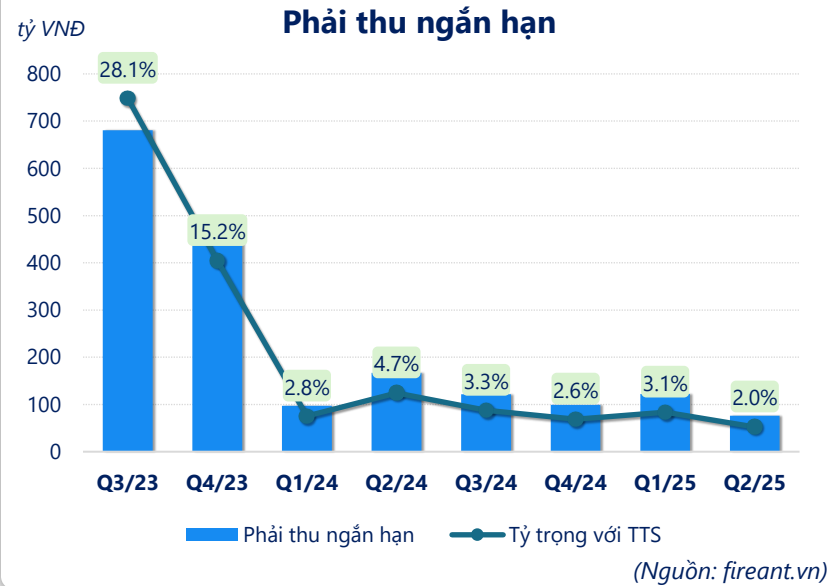
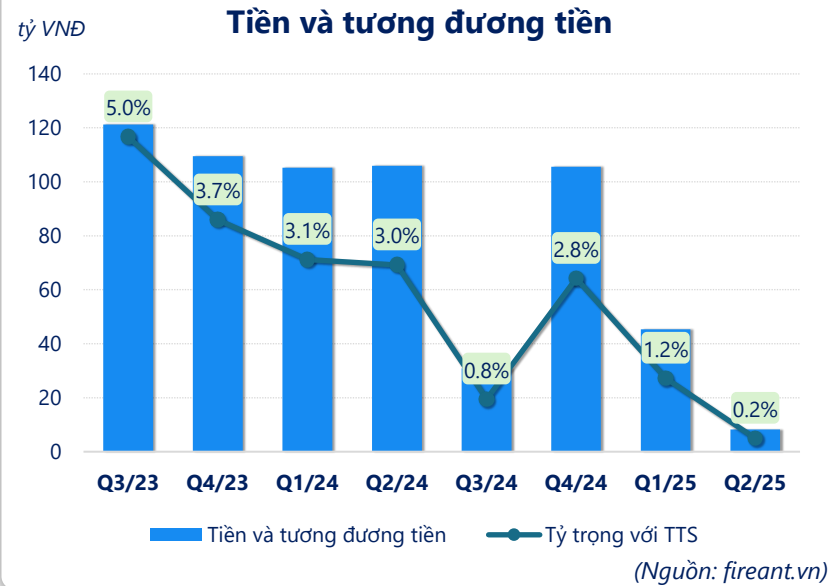
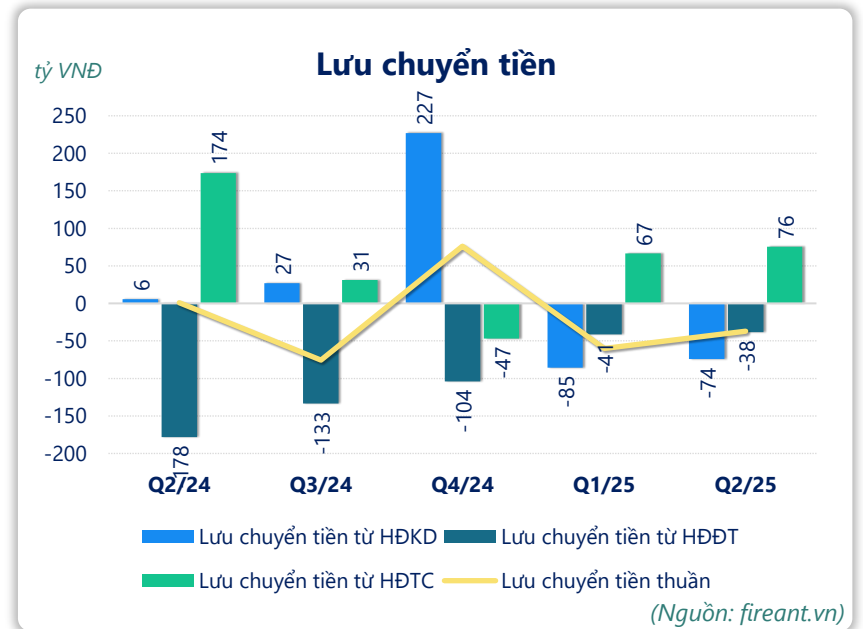
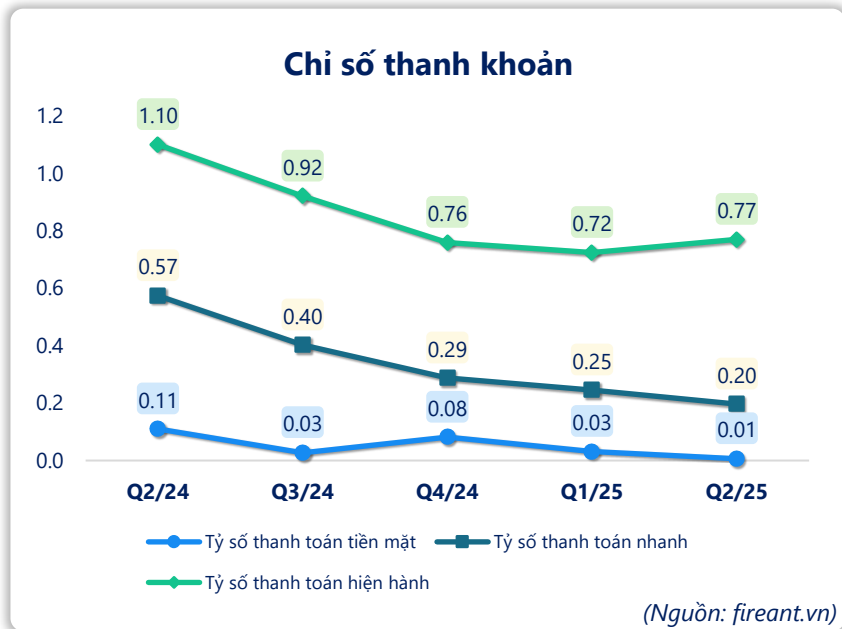
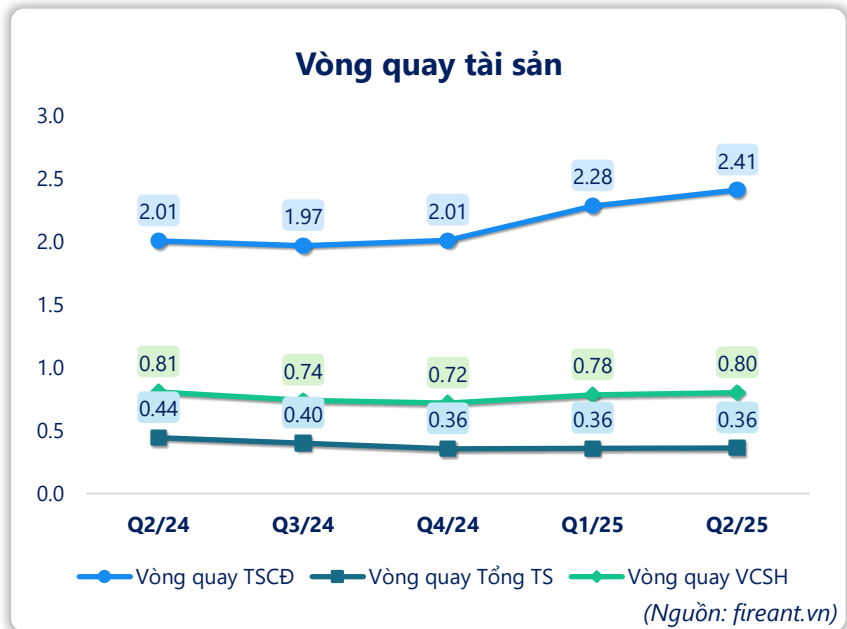
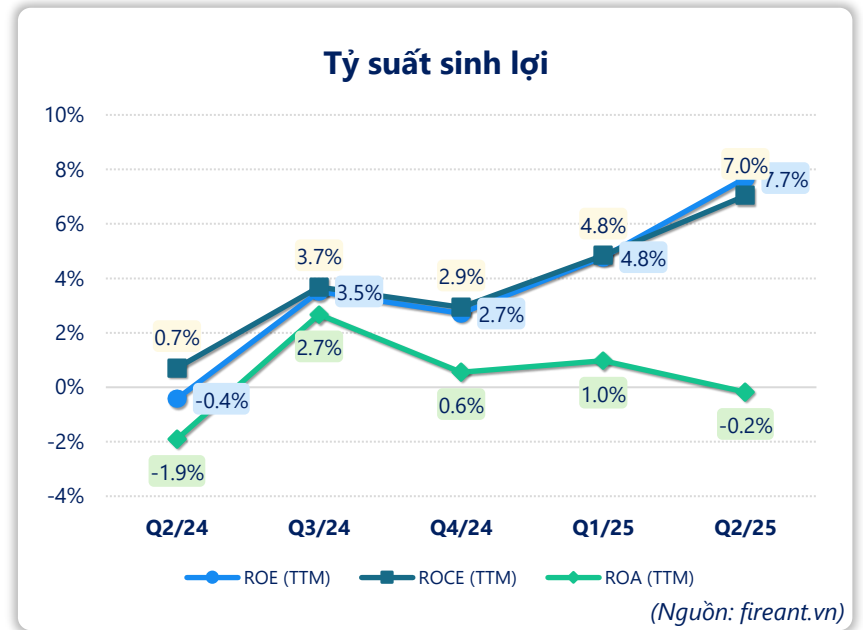
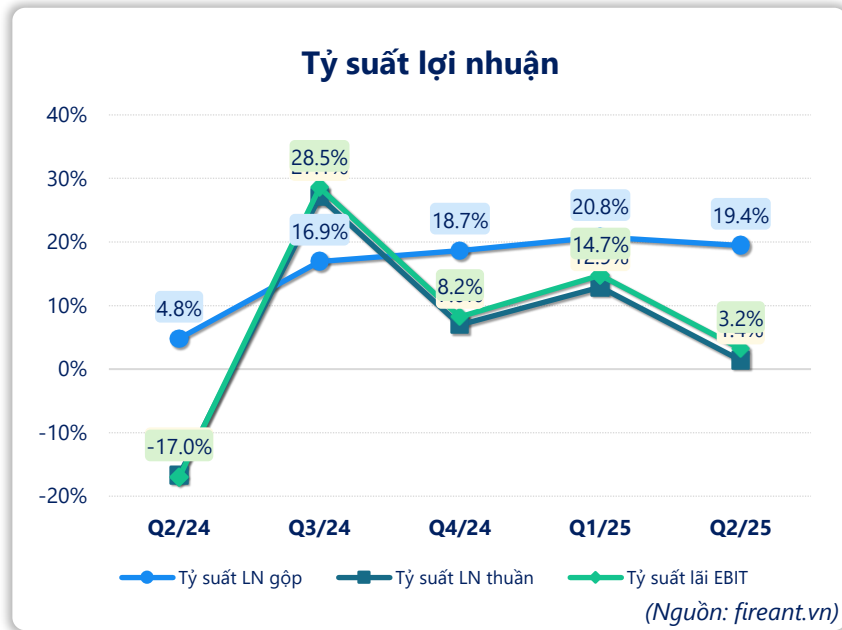
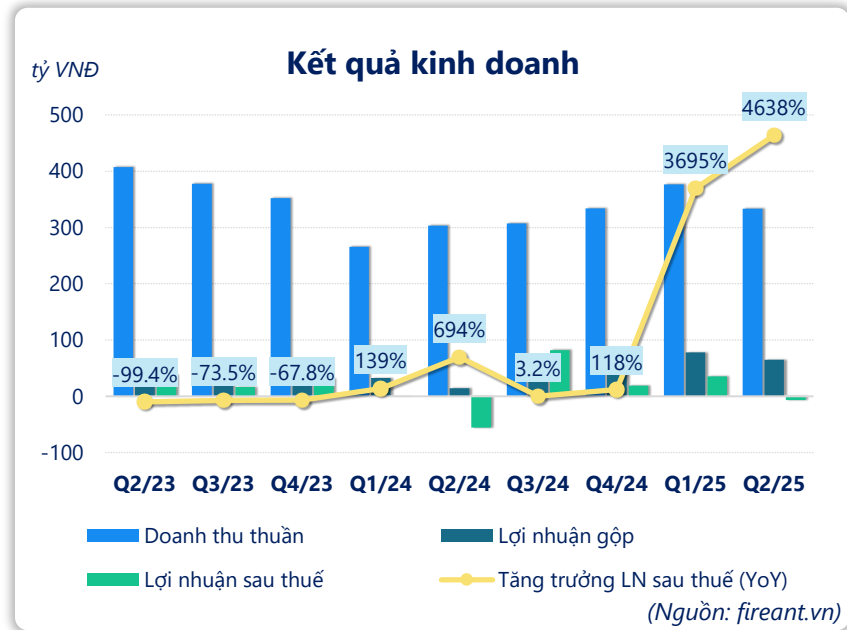


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		26,650
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		35,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		18,850
SL cổ phiếu LH		96,636,924
KLGD BQ 20 phiên (CP)		379,726
% sở hữu nước ngoài		17.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,575
P/E		19.9
EPS		1,342

	YTD	1T	3T	6T
STK	7.5%	-0.2%	3.9%	8.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,879	3,811	1.8%
Tài sản ngắn hạn	1,027	997	3.0%
Tiền và tương đương tiền	8.22	106	-92.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	76.0	105	-27.8%
Hàng tồn kho	765	616	24.2%
Tài sản ngắn hạn khác	178	170	4.6%
Tài sản dài hạn	2,852	2,814	1.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	514	561	-8.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2,195	2,111	4.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	13.8	13.8	0.0%
Tài sản dài hạn khác	129	129	0.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,143	2,104	1.8%
Nợ ngắn hạn	1,335	1,311	1.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,008	858	17.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	242	378	-35.9%
Nợ dài hạn	808	793	1.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	808	792	1.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,736	1,707	1.7%
Vốn chủ sở hữu	1,736	1,707	1.7%
Vốn điều lệ	966	966	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	303	307	334	376	333
Giá vốn hàng bán	289	255	272	298	269
Lợi nhuận gộp	14.6	52.0	62.4	78.3	64.8
Doanh thu HĐTC	8.08	11.4	-12.7	10.8	9.84
Chi phí TC	57.6	-36.5	13.4	24.2	54.6
Chi phí lãi vay	3.68	4.45	4.10	6.81	8.81
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.00	2.35	2.50	2.22	2.59
Chi phí QLDN	13.6	14.3	10.4	14.0	12.9
LN thuần từ HĐKD	-50.6	83.2	23.3	48.6	4.56
Lợi nhuận khác	-4.73	0.01	0.01	0.14	-2.78
LN trước thuế	-55.3	83.2	23.3	48.7	1.77
Lợi nhuận sau thuế	-55.7	81.8	18.8	35.6	-6.61
LNST của CĐ cty mẹ	-55.7	81.8	18.8	35.6	-6.61

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5.53	26.8	227	-85.5	-74.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-178	-133	-104	-41.2	-38.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	174	31.0	-46.7	66.5	75.6
Tiền đầu kỳ	105	106	30.9	106	45.4
Lưu chuyển tiền thuần	0.89	-75.6	76.2	-60.1	-37.1
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.14	0.51	-1.51	-0.09	-0.01
Tiền cuối kỳ	106	30.9	106	45.4	8.22

(Nguồn: fireant.vn)